

Bản án số: 13/2023/HS-PT

Ngày: 22-02-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Quế

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Phương Loan

Ông Ninh Quang Thế

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Kim Yến, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Phạm Trúc Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 124/2022/TLPT-HS ngày 05 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Văn H và Phạm Văn Ng do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2022/HS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Văn H, sinh năm 1981 tại huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: Khóm 3, thị trấn U, huyện U, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Nguyên Trưởng Công an xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (đã bị tước danh hiệu Công an nhân dân theo Quyết định số 2581/QĐ-CAT-PX01 ngày 16/9/2019 của Công an tỉnh Cà Mau và bị kỷ luật bằng hình thức Khi trừ đảng theo Quyết định số 83-QĐ/UBKTHU ngày 24/10/2019 của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy U Minh); trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ng Văn H2 (đã chết) và bà Đỗ Thị Kh1; vợ tên Lữ Thị L và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại có mặt.

2. Phạm Văn Ng, sinh năm 1972 tại huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: Ấp 17, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Nguyên Công an viên Công an xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (đã bị cho thôi việc theo Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 13/9/2019 của Ủy ban nhân dân xã Khánh An, huyện U Minh); trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm B Th (tên gọi khác là Công Th) và bà Trương Thị D2; vợ tên Lê Thị T1 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại có mặt.

- Người bào chữa cho các bị cáo: Luật sư Lê Thanh Thuận của Văn phòng Luật sư Lê Thanh Thuận thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau. Luật sư có mặt.

- Bị hại: Ông Cao Văn D, sinh năm 1980 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp M, xã Khánh B Đ, huyện Trần Văn T, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Thanh T, sinh năm 1981 (có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Số 126, đường H3, khóm M, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Huỳnh Anh C, sinh năm 1961 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Số 134, Bùi Thị Trường, khóm 4, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
2. Ông Nguyễn Chí D1, sinh năm 1966 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Khóm 3, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.
3. Ông Quách Văn H1, sinh năm 1972 (vắng mặt)
4. Ông Ngô Thanh Ph, sinh năm 1972 (vắng mặt)
Cùng cư trú: Ấp 7, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau.
5. Ông Nguyễn Khắc Đ, sinh năm 1975 (vắng mặt)
6. Ông Nguyễn Trọng B, sinh năm 1992 (vắng mặt)
Cùng cư trú: Khóm 3, thị trấn U, huyện U, tỉnh Cà Mau.
7. Ông Ngô Minh V, sinh năm 1992 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Ấp 2, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau.
8. Ông Lê Đào Vĩnh Kh, sinh năm 1985 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Ấp 4, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau.
9. Ông Lê Văn Ng, sinh năm 1972 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Ấp 10, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau.
10. Ông Tô Quốc B, sinh năm 1965 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Ấp 13, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau.
11. Ông Trần Văn Ng1, sinh năm 1985 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Ấp 6, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau
12. Ông Ng Minh Q, sinh năm 1986 (vắng mặt)
13. Ông Đặng Kim Đ1, sinh năm 1993 (vắng mặt)
14. Ông Trịnh Văn U, sinh năm 1970 (vắng mặt)
Cùng cư trú: Ấp A, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 23/5/2018, bà Nguyễn Thị M đến Công an xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau trình báo vụ việc cháu Cao Văn Nh, sinh ngày 02/01/2003, là con trai của ông Cao Văn D có hành vi giao cấu với cháu Phan Như Q1, sinh ngày 22/12/2004, là con gái bà M. Sau khi tiếp nhận tin báo, ông Nguyễn Minh Q, Phó Trưởng Công an xã Kh đã báo cáo với Nguyễn Văn H, Trưởng Công an xã và H đã phân công ông Đặng Kim Đ1, Công an viên đến hiện trường tại ấp 6, xã Kh kiểm tra vụ việc, xác định nội dung tin báo là có cơ sở nên mời các đương sự về trụ sở Công an xã Khánh An để làm việc.

Khoảng 11 giờ cùng ngày, ông Đ1 lập biên bản tiếp nhận tin báo của bà M, H gọi điện báo cáo vụ việc qua trực ban hình sự Công an huyện U Minh. Sau khi tiếp nhận tin, ông Lê Thanh T, Đội phó Đội điều tra tổng hợp Công an huyện U Minh gọi điện cho H kiểm tra vụ việc rồi gọi điện báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của ông Nguyễn Chí D1, Phó Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện U Minh. Ông D1 chỉ đạo vụ việc không cấu thành tội phạm, do Nh chưa đủ tuổi chịu trách

nhệm hình sự nên không phân công lực lượng hỗ trợ Công an xã Khánh An xử lý mà chỉ đạo ông T thông báo đến Công an xã Khánh An lập biên bản giải quyết và giải thích cho hai bên gia đình không cho hai cháu kết hôn vì chưa đủ tuổi.

Sau khi tiếp nhận ý kiến chỉ đạo của Công an huyện, Công an xã Khánh An tiến hành lấy lời Khi của cháu Nh, cháu Q1 và bà M. Lúc này, Phạm Văn Ng, Công an viên của xã đang trực tuần tra giao thông cùng với H về đến cơ quan, Ng lấy số điện thoại của ông D từ cháu Nh và gọi ông D lên trụ sở Công an xã Khánh An để làm việc.

Nhận được tin, ông D đến trụ sở Công an xã thì gặp Ng và được Ng cho biết vụ việc là nghiêm trọng do Nh giao cấu với Q1 chưa đủ tuổi có thể bị tù tội nên nói ông D lo “chạy chọt” cho Nh. Ông D trình bày không biết “chạy chọt” ra sao nên nhờ Ng hướng dẫn. Sau đó, tại trụ sở Công an xã Kh, thông qua Ng, H nói ông D phải đưa 20.000.000 đồng để lo cho trên huyện vì vụ việc H đã báo về huyện rồi. Ông D trình bày hoàn cảnh gia đình rất khó khăn nên xin H giảm tiền. Sau đó, H gọi điện thoại rồi thông báo số tiền ông D phải đưa là 10.000.000 đồng và phải đưa liền thì mới cho hai bên gia đình hòa giải kết thúc hồ sơ, do sợ Nh bị bắt nên ông D đồng ý.

Khoảng 18 giờ cùng ngày, sau khi chuẩn bị đủ 10.000.000 đồng, ông D đem số tiền trên đưa trực tiếp cho Ng tại trụ sở Công an xã Kh. Sau đó, Ng rủ ông Trịnh Văn U, Công an viên của xã đi từ trụ sở Công an xã Kh đến quán karaoke Biển Tình, địa chỉ tại ấp 6, xã Khánh An để gặp T. Trên đường đi, ông U thấy trên gác ba ga xe máy của Ng có treo 01 bọc nylon màu đen nên ông U có hỏi Ng đó là bọc gì thì Ng nói với ông U đó là bọc tiền ông D nhờ Ng đưa lại cho T. Khi đến quán karaoke Biển Tình, Ng và ông U đi vào phòng T đang ngồi, trên tay Ng cầm bọc nylon màu đen. Lúc này trong phòng còn có H và ông Lê Văn Ng. Theo lời khai của Ng, sau khi uống 01 ly bia cùng cả nhóm, Ng và T đi vào nhà vệ sinh trong phòng karaoke, tại đây Ng đã đưa bọc nylon màu đen nêu trên cho T mà không ai chứng kiến rồi cả hai đi trở ra. Lúc này, ông U và H cũng nhìn thấy trong túi quần của T có 01 bọc nylon màu đen do bọc này dày và thò ra khỏi túi quần T. Sau đó, T uống 01 ly bia rồi từ giã ra về, còn Ng tiếp tục ngồi ăn uống cùng cả nhóm cho đến khi cả nhóm cùng ra về. Khi về đến Công an xã Khánh An, H có hỏi Ng việc Ng đưa gì cho T tại quán karaoke Biển Tình thì Ng trả lời là đưa tiền cho T, H không hỏi gì thêm.

Đến khoảng 10 giờ ngày 31/5/2018, Ng tiếp tục gọi điện cho ông D nói là số tiền 10.000.000 đồng trước đó đã đưa cho “Sếp trên huyện” và đặt vấn đề với ông D gửi tiền bồi dưỡng cho Công an xã là 5.000.000 đồng.

Ngày 01/6/2018, ông D đến nhà ông Tô Quốc B (Bí thư chi bộ ấp 13, xã Kh) kể lại vụ việc và được ông B cho mượn 5.000.000 đồng và máy ghi âm để đến Công an xã gặp Ng và H đưa tiền. Tại đây, ông D có mở điện thoại để ghi âm lại cuộc nói chuyện thì bị Ng phát hiện và lấy điện thoại đưa cho H, H yêu cầu ông D xóa các cuộc ghi âm. Ông D không mở máy được do không nhớ mật khẩu vì điện thoại của vợ ông D nên H đã đập điện thoại và đuổi ông D ra về, do đó việc giao nhận 5.000.000 đồng chưa thành, ông D chạy ra báo lại ông B và cùng ông B đến gặp Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Kh trình báo vụ việc.

Sau khi tiếp nhận thông tin, Công an huyện U Minh phân công ông Nguyễn Chí D1, Phó Trưởng Công an huyện và ông Nguyễn Khắc Đ, Phó Đội trưởng Đội điều tra hình sự Công an huyện đến nắm tình hình vụ việc, tiến hành làm việc với ông D cùng những người có liên quan và thu các đoạn ghi âm do ông D cung cấp rồi phối hợp với Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã Kh tiến hành hòa giải thỏa thuận với ông D và ông B. Nội dung biên bản hòa giải ngày 14/6/2018 thể hiện: Phạm Văn Ng có nhận của ông D số tiền 10.000.000 Đ1, Nguyễn Văn H có hành vi đập điện thoại của ông D, Nguyễn Văn H đại diện cho Công an xã Kh khắc phục số tiền 15.000.000 đồng cho ông D gồm 10.000.000 đồng Ng đã nhận của ông D và 5.000.000 đồng tiền sửa điện thoại, ông D đã nhận đủ 15.000.000 đồng, không yêu cầu gì về sau.

Ngày 24/4/2019, Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân (viết tắt là VKSND) tối cao ra Quyết định trưng cầu giám định số 18/VKSTC-C1(P10) gửi Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu giám định nội dung ghi âm và giám định giọng nói của những người liên quan trong vụ án. Ngày 11/6/2019, Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh (C.09B-BCA) có Kết luận giám định giọng nói số 2235/C09B gửi Cơ quan điều tra VKSND tối cao, kết luận: “Xác định giọng nói trong file ghi âm chính xác là của ông H, Ng và D”. Nội dung các file ghi âm nêu trên đều thể hiện việc Ng hứa giúp cho ông D đảm bảo hồ sơ vụ việc của cháu Nh được bảo lưu tại Công an xã Khánh An.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2022/HS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện U Minh đã quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, xử phạt bị cáo Ng 01 (một) năm tù về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”. Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 25/8/2022, bị cáo H kháng cáo toàn bộ bản án đề nghị cấp phúc thẩm tuyên bị cáo không phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”.

- Ngày 25/8/2022, bị cáo Ng kháng cáo toàn bộ bản án đề nghị hủy án sơ thẩm để giao về cho cấp có thẩm quyền xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2022/HS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện U Minh về phần hình phạt đối với các bị cáo H và Ng.

- Luật sư bào chữa cho các bị cáo trình bày: Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao điều tra vụ án là không đúng thẩm quyền do bị cáo H và Ng không phải là người tiến hành tố tụng hình sự; Việc thu thập chứng cứ trong quá trình điều tra không đầy đủ, còn nhiều mâu thuẫn (vị trí ông H gặp và yêu cầu ông D đưa tiền cũng như ông D đưa tiền cho Ng có phải là ở phòng làm việc cuối cùng của Công an xã Kh như ông D trình bày hay không; chưa làm rõ vai trò của ông T trong vụ án, lý do ông T có mặt tại Ủy ban nhân dân xã Kh vào chiều ngày 23/5/2018,

ông T uống bia tại quán gần cầu Khánh An lại quay về quán Biển Tình mà chỉ uống 01 ly bia rồi rời quán; động cơ, mục đích ông C và ông D1 xuống xã hòa giải vào ngày 14/6/2018; làm rõ lý do sở giao ban của Công an huyện U Minh bị thất lạc); Các vấn đề đặt ra tại Bản án hình sự phúc thẩm số 104/2020/HS-PT ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau được điều tra bổ sung nhưng chưa đạt kết quả. Vì vậy, đề nghị hủy án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục chung.

- Lời nói sau cùng của bị cáo H: Bị cáo không chỉ đạo cho Ng yêu cầu ông D đưa tiền nên không phạm tội.

- Lời nói sau cùng của bị cáo Ng: Việc bị cáo nhận 10 triệu đồng từ ông D là có vi phạm nhưng không phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội Đ1 xét xử nhận định như sau:

[1] Điều 367 của Bộ luật Hình sự quy định: “Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp là những hành vi xâm phạm sự đúng đắn của hoạt động tố tụng và thi hành án”. Điều 1 của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định: “... trình tự, thủ tục tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm...”. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 145, khoản 3 Điều 146 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 2 và điểm d khoản 1 Điều 5 của Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 29/12/2017 quy định việc phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, thì Công an xã có trách nhiệm tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm. Với các quy định nói trên, hoạt động của Công an xã liên quan đến việc tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm thuộc hoạt động tư pháp.

[2] Vào ngày 23/5/2018 Công an xã Kh của huyện U Minh, tỉnh Cà Mau có tiếp nhận tin báo của bà Nguyễn Thị M trình báo vụ việc cháu Cao Văn Nh (con trai của ông Cao Văn D), sinh ngày 02/01/2003 có hành vi giao cầu với cháu Phan Như Q1 (con gái bà M), sinh ngày 22/12/2004. Tại thời điểm này, Nguyễn Văn H là Trưởng Công an xã Kh, Phạm Văn Ng là Công an viên của xã.

[3] Ngày 01/6/2018 ông Cao Văn D và ông Tô Quốc B đến Ủy ban nhân dân xã Kh tố giác vụ việc ông D bị ông H đập điện thoại di động. Sau đó, Công an huyện U Minh tiến hành xác minh và phối hợp với Đảng ủy và Ủy ban nhân dân huyện U Minh giải quyết vụ việc. Tại biên bản hòa giải ngày 14/6/2018 thể hiện nội dung: Phạm Văn Ng có nhận của ông D số tiền 10.000.000 đồng, Nguyễn Văn H có hành vi đập điện thoại của ông D, Nguyễn Văn H đại diện cho Công an xã Kh khắc phục số tiền 15.000.000 đồng cho ông D gồm 10.000.000 đồng Ng đã nhận của ông D và 5.000.000 đồng tiền sửa điện thoại, ông D đã nhận đủ 15.000.000 đồng, không yêu cầu gì về sau.

[4] Quá trình điều tra vụ án, H và Ng đã có khiếu nại Bản kết luận điều tra bổ sung số 02/VKSTC-C1(P10) ngày 27/02/2020 của Cơ quan điều tra VKSND tối cao, trong đó có nội dung H và Ng cho rằng Cơ quan điều tra VKSND tối cao đã khởi tố, điều tra đối với các ông là oan. Cơ quan điều tra VKSND tối cao giải quyết khiếu

nại tại Quyết định số 02/VKSTC-C1(P2) ngày 19/3/2020 không chấp nhận đơn khiếu nại của H và Ng. H và Ng tiếp tục khiếu nại và được Viện trưởng VKSND tối cao giải quyết tại Quyết định số 105/QĐ-VKSTC ngày 14/04/2020 giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại số 02/VKSTC-C1(P2) ngày 19/3/2020 nói trên.

[5] Với các dữ kiện nói trên cho thấy, Cơ quan điều tra của VKSND tối cao tiến hành khởi tố, điều tra và đề nghị truy tố vụ việc nói trên đối với H và Ng là đúng quy định theo Điều 20 Luật Tổ chức VKSND, Điều 163 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 30 của Luật Tổ chức Cơ quan điều tra hình sự. Luật sư bào chữa cho các bị cáo và các bị cáo kháng cáo cho rằng vụ việc không thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao là không có cơ sở để chấp nhận.

[6] Đối với ông Lê Thanh T:

Các bị cáo H và Ng cho rằng vụ việc giao cầu giữa cháu Nh và cháu Q1 xảy ra vào ngày 23/5/2018 do ông T (nguyên là Đội phó Đội điều tra tổng hợp Công an huyện U Minh) là người được Công an huyện U Minh phân công xuống hỗ trợ Công an xã Kh giải quyết. Quá trình điều tra, Vụ 6-VKSND tối cao đã có quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung (lần 02) số 08/QĐ-VKSTC-V6 ngày 26/12/2019, trong đó có yêu cầu làm rõ vai trò đồng phạm của T trong vụ án. Sau khi Tòa án nhân dân huyện U Minh xét xử sơ thẩm lần 01 vào ngày 17/6/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã xét xử phúc thẩm tại Bản án hình sự số 104/2020/HS-PT ngày 29/9/2020 cũng đã hủy án sơ thẩm để điều tra lại vụ án. Kết quả điều tra bổ sung và điều tra lại đã xác định:

- *Thứ nhất*, ngoài lời Khi của H về việc thông qua Ng, H yêu cầu ông D đưa tiền là theo chỉ đạo của T bằng điện thoại của T thì không còn chứng cứ nào khác chứng minh T chỉ đạo H thực hiện việc này cũng như T có mặt tại Công an xã Khánh An để chỉ đạo vụ việc. Lời khai của những Công an viên xã Kh, gồm: Ngô Minh V, Trần Văn Tr, Đặng Kim Đ1 xác định có thấy T đến Công an xã Kh vào chiều ngày 23/5/2018, nhưng không thấy T chỉ đạo, trao đổi với ai giải quyết vụ giao cầu giữa cháu Nh và cháu Q1. Lời khai của ông Đ1 còn thể hiện vào khoảng 17 giờ 30 phút ngày 23/5/2018, ông Đ1 nghe H chỉ đạo tiến hành lập biên bản hòa giải giữa hai gia đình cháu Nh và cháu Q1 với nội dung “02 gia đình tự thỏa thuận và bà M không yêu cầu xử lý gì đối với Cao Văn Nh”. Lời khai này phù hợp với Biên bản hòa giải do ông Đ1 lập và H có ký tên, đóng dấu ở mục “BCH CÔNG AN XÃ”. Trung tâm kinh doanh VNPT-Cà Mau không cung cấp được chi tiết cuộc gọi đến, gọi đi của chủ thuê bao số 0918.933.483 của H từ ngày 23/5/2018 đến ngày 01/6/2018 vì chỉ có thể xuất dữ liệu trong 01 năm trở lại kể từ ngày yêu cầu (Công văn số 241/TTKD CM-ĐHNH ngày 16/11/2020). Tại Công văn số 12/CSĐT ngày 15/01/2021, Cơ quan điều tra Công an huyện U Minh xác định: Sổ giao ban đơn vị đã bị thất lạc; Đối với lịch trực của ông T-Điều tra viên-Phó Đội trưởng Đội điều tra tổng hợp Công an huyện U Minh được phân công trực ban hình sự từ 13 giờ 30 phút ngày 22/5/2018 đến 13 giờ 30 phút ngày 23/5/2018 (theo sự phân công của Ban chỉ huy Đội điều tra tổng hợp, báo cáo danh sách trực cho Trục ban đơn vị tổng hợp trình Ban chỉ huy Công an huyện phê duyệt chung cho toàn đơn vị).

- *Thứ hai*, ngoài lời khai của Ng về việc có nhận tiền của ông D và trực tiếp đưa 10 triệu đồng cho T bên trong nhà vệ sinh của quán Biển Tình thuộc ấp 6, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau khi đi ăn cùng H, Trịnh Văn U (Công an viên), T, lời khai của H và U về việc có thấy Ng mang theo túi nylon màu đen mà Ng nói là chứa tiền để đưa cho T giống với túi nylon màu đen trong túi quần của T khi T và Ng ra khỏi nhà vệ sinh tại quán Biển Tình, nhưng H và U cùng xác định không được Ng đưa cho nhìn trực tiếp thấy số tiền trên sau khi Ng nhận từ ông D. Ngoài ra, Ng khai sau khi bị ông D gửi đơn tố cáo, Ng đã điện thoại liên hệ với T yêu cầu T trả tiền cho ông D. Và T đã trả lại cho ông D thông qua Ng 10 triệu đồng. Tuy nhiên, sim điện thoại mà Ng liên hệ với T đã bị Ng vứt bỏ không thu hồi được và cũng không có ai chứng kiến việc Ng nhận tiền từ T. Ông Huỳnh Anh C xác định sau ngày 14/6/2018, ông không có gặp và trao đổi gì với Ng, không biết sự việc T có liên quan đến số tiền ông D đã đưa cho Ng.

- *Thứ ba*, phía ông D, bà Y (vợ của ông D) cũng xác định trong suốt quá trình H yêu cầu ông phải đưa 20 triệu đồng, sau đó giảm xuống còn 10 triệu đồng để con ông D không bị xử lý hình sự cũng như quá trình Công an xã giải quyết vụ việc sau đó, vợ chồng ông D đều không biết ai tên là T, cũng không nghe, không thấy ai tự xưng tên là T là người ở Công an huyện đến Công an xã gặp và trao đổi gì với 02 gia đình.

Từ những cơ sở nói trên, Cơ quan điều tra VKSND tối cao cũng như VKSND tối cao xác định không đủ cơ sở xử lý hình sự đối với ông T là phù hợp.

[7] Tại phiên tòa, các bị cáo H và Ng thay đổi lời khai, phủ nhận lời khai nhận tội có trong hồ sơ. Các bị cáo không thừa nhận thực hiện hành vi trao đổi yêu cầu ông D đưa tiền và không có chiếm đoạt tiền của ông D như VKSND tối cao đã truy tố. Các bị cáo cho rằng các lời khai nhận tội này là do bị ép cung, chứ không phải các bị cáo tự khai. Tuy nhiên, các lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, sau khi xem lại hay nghe đọc biên bản hỏi cung thì các đối tượng này đều ký xác nhận vào biên bản hỏi cung là đúng lời khai đã trình bày.

[8] Xâu chuỗi các tình tiết nêu trên có đủ cơ sở xác định: Nguyễn Văn H, nguyên là Trưởng Công an xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau, trong quá trình tiếp nhận và giải quyết tin báo vụ việc giao cầu xảy ra vào ngày 23/5/2018 giữa cháu Cao Văn Nh (con trai của ông Cao Văn D, sinh ngày 02/01/2003) với con gái của bà Nguyễn Thị M là cháu Phan Như Q1 (sinh ngày 22/12/2004). Dù biết khi thực hiện hành vi giao cầu, cháu Nh không đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự như chỉ đạo của lãnh đạo Công an huyện U Minh, nhưng H vẫn chỉ đạo cho cấp dưới của mình là Phạm Văn Ng yêu cầu ông D phải đưa 20 triệu đồng, sau đó giảm xuống còn 10 triệu đồng để bảo lưu hồ sơ vụ việc của cháu Nh được xử lý tại Công an xã Kh. Ông D đã đưa 10 triệu đồng cho Ng nhận tại Công an xã Kh. Theo đó, Tòa án nhân dân huyện U Minh đã xét xử các bị cáo H và Ng về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 355 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, không oan cho các bị cáo.

[9] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội thuộc trường hợp tội phạm nghiêm trọng. Hành vi này không những thể hiện sự xem thường tính nghiêm minh của pháp luật mà còn xâm phạm đến trật tự quản lý nhà nước trong hoạt động tư

pháp, làm giảm niềm tin của nhân dân vào Đảng và Nhà nước, đồng thời xâm hại đến tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, trong đó, bị cáo H là người giữ vai trò chủ mưu, bị cáo Ng thực hiện sự chỉ đạo của H trực tiếp thỏa thuận và nhận của ông D 10 triệu đồng là đồng phạm giúp sức cho bị cáo H. Các bị cáo lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tiền của người khác là trái pháp luật, phạm tội thì bị xử lý và phải chịu hình phạt theo quy định.

[10] Ngoài hành vi đã thực hiện, Ng còn có hành vi vôi vĩnh, yêu cầu ông D phải đưa 05 triệu đồng để bồi dưỡng cho Công an xã Kh sau khi xảy ra sự việc ngày 23/5/2018. Tuy nhiên, Ng chưa nhận được số tiền này từ ông D do Ng phát hiện ông D ghi âm cuộc nói chuyện giữa ông D và Ng, H tại trụ sở Công an xã Kh vào ngày 01/6/2018, nên Cơ quan điều tra VKSND tối cao không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Ng về hành vi này là phù hợp.

[11] Quá trình xét xử, cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, vị trí vai trò và các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo, gồm: Đã bồi thường thiệt hại; chưa có tiền án, tiền sự, có thời gian dài phục vụ trong cơ quan Nhà nước. Từ đó, xử phạt bị cáo H 01 năm 06 tháng tù, xử phạt bị cáo Ng 01 năm tù là tương xứng. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo H kháng cáo kêu oan, còn bị cáo Ng kháng cáo yêu cầu hủy án sơ thẩm để giao về cho cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật nhưng kháng cáo của các bị cáo không có cơ sở chấp nhận như đã phân tích ở trên. Mặt khác, các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên cũng không có cơ sở để xem xét giảm nhẹ hình phạt.

[12] Với các tình tiết nêu trên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa được chấp nhận, ý kiến của luật sư bào chữa cho các bị cáo không được chấp nhận.

[13] Do không chấp nhận kháng cáo, nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[14] Các phần khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo hoặc bị kháng nghị, đã có hiệu lực thi hành kể từ khi hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Ng Văn H và Phạm Văn Ng; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2022/HS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện U Minh về phần hình phạt đối với các bị cáo.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án;

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn Ng 01 (một) năm tù về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Bị cáo H và bị cáo Ng phải chịu án phí hình sự phúc thẩm với số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng/bị cáo.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện U Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh;
- Công an huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa HS, án văn, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Trọng Quế